

UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 563/SGD&ĐT-VP
V/v đề xuất danh mục đề tài
nghiên cứu khoa học

Bến Tre, ngày 31 tháng 5 năm 2010

Kính gửi:

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị trực thuộc.

Theo công văn số 199/SKHCN-QLKH ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc đề xuất danh mục các đề tài NCKH dự án sản xuất thử nghiệm giai đoạn 2011-2012, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo các Phòng GD&ĐT và các đơn vị trực thuộc tham gia đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm giai đoạn 2011 – 2012.

Việc xác định danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học và các dự án phải căn cứ theo hướng khoa học và công nghệ, các đơn vị dựa trên cơ sở đáp ứng 3 tiêu chí:

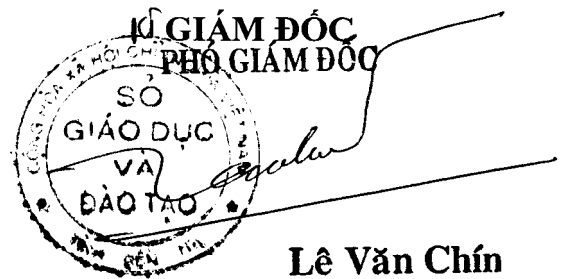
- Có tính khả thi cao.
- Sản phẩm tạo ra có khả năng ứng dụng trong thực tế và có địa bàn ứng dụng.
- Có cơ quan ứng dụng hoặc địa chỉ ứng dụng cụ thể.

Hồ sơ đề xuất danh mục đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm đề nghị các đơn vị gửi về Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 6 năm 2010 (theo mẫu phiếu đính kèm) để Văn phòng Sở tổng hợp nộp về Sở Khoa học và Công nghệ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

KỖ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
GIÁO DỤC
VÀ
ĐÀO TẠO
BẾN TRE



Lê Văn Chín

**Phụ lục: ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
NĂM 2011-2022**

1. Lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

- Nghiên cứu chọn lọc, chuyển giao các loại giống lúa, dứa cây ăn trái, hoa kiểng, thủy, hải sản có giá trị, năng suất cao.
- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ cây trồng, vật nuôi, gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; Nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.
- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, quy mô trang trại, phù hợp, khép kín từ khâu sản xuất đến chế biến và thị trường tiêu thụ;
- Nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến hiện đại, các hình thức nuôi công nghiệp, nuôi sinh thái;
- Bình tuyển, lai tạo, du nhập các giống cây trồng thích nghi trong điều kiện khô hạn, xâm nhập mặn và nước dâng.
- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao qui trình kỹ thuật tiên tiến cho người nuôi
 - Mô hình liên kết nông - công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.
 - Ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể.
 - Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng hạ tầng nông thôn (đường, cầu, cống đập ...).

2. Lĩnh vực công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Ứng dụng các công nghệ bảo quản sau thu hoạch, sơ chế các sản phẩm trái cây nhằm điều tiết thị trường tươi và phục vụ công nghiệp chế biến có chất lượng cao;
- Ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất lương thực tại chỗ cho vùng dân cư phân tán, điều kiện giao thông, vận chuyển khó khăn;
- Trang bị thiết bị, máy móc hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học vào các khâu sản xuất, chế biến bảo quản trong các ngành sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và các ngành sử dụng nguyên liệu tại chỗ để có giá thành hạ, chất lượng cao;
- Phát triển ngành nghề nông thôn sử dụng máy móc công cụ cải tiến, cơ khí hóa các khâu sản xuất, nâng cao năng suất lao động;
- Tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.
- Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật trong các doanh nghiệp.

3. Lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn.

- Chính sách đãi ngộ khai thác, phát huy tốt các nguồn lực khoa học, công nghệ.
- Chính sách thu hút thanh niên, trí thức về nông thôn công tác, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, y tế, giáo dục, đào tạo nghề....

- Các phương án, giải pháp để các doanh nghiệp trong tỉnh tích cực tham gia các giao dịch công nghệ.

- Nghiên cứu các giải pháp tháo gỡ những vướng mắc về đất đai, vốn, thị trường để phát triển mạnh công nghiệp, nhất là công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ, tạo được giá trị gia tăng cao, công nghiệp chế biến hàng nông, thủy sản.

- Cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp với qui mô, trình độ phù hợp với lợi thế của từng địa phương gắn với bảo vệ môi trường.

- Các giải pháp xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thu hút đầu tư phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình xã nông thôn mới.

- Đổi mới, phát triển các loại hình kinh tế tập thể với các hình thức hợp tác đa dạng, có hiệu quả

- Xã hội hóa phát triển du lịch, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất cho phát triển du lịch; xây dựng các sản phẩm du lịch đặc sắc, đa dạng, đặc trưng của từng vùng.

- Khai thác tiềm năng thiên nhiên để phục vụ du lịch sinh thái với hiệu quả cao.

4. Lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong điều hành, quản lý cơ quan Đảng và hành chính Nhà nước.

- Ứng dụng công nghệ hệ thống thông tin địa lý (GIS), viễn thám trong quản lý các lĩnh vực thủy sản, đô thị, biến đổi khí hậu ...

5. Lĩnh vực điều tra cơ bản sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- Xã hội hóa đầu tư cho công tác xử lý ô nhiễm môi trường, xây dựng bãi rác, xử lý nước thải, rác thải, xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi,...

- Xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và thân thiện

- Phát triển công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng biogaz phục vụ sinh hoạt và đời sống ở nông thôn;

- Sử dụng tổng hợp tài nguyên nước để cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nước sinh hoạt và cải thiện môi trường, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; ứng dụng các công nghệ tiên tiến về tưới tiêu, tiết kiệm nước cho vùng khô hạn;

- Xử lý môi trường nông thôn;

- Các giải pháp để hạn chế tác động biến đổi khí hậu (bão lụt, xói lở bờ sông, bồi lấp các cửa sông, xâm nhập mặn v.v...);

- Các mô hình bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản, làng nghề và các khu công nghiệp.

- Nghiên cứu, triển khai, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong vấn đề cấp nước sạch và bảo vệ môi trường trong sinh hoạt và chăn nuôi.

6. Lĩnh vực công nghệ vật liệu mới, năng lượng mới:

- Ứng dụng các vật liệu mới có tính năng sử dụng cao thay thế vật liệu truyền thống đối với các ngành nghề sản xuất phù hợp.

- Ứng dụng năng lượng mới để phục vụ sản xuất đời sống, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất các loại vật liệu mới từ chất thải sản xuất (mụn dừa, chế biến đường...), trong nuôi trồng thủy sản.

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP TỈNH NĂM 2011-2012**

1. Tên đề tài:

2. Giải trình về tính cấp thiết (*quan trọng, bức xúc, cấp bách....*)

3. Mục tiêu của đề tài:

3.1. *Mục tiêu tổng quát.*

3.2. *Mục tiêu cụ thể .*

4. Nội dung chủ yếu của đề tài:

5. Dự kiến sản phẩm của đề tài:

6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:

7. Nhu cầu kinh phí để thực hiện đề tài:

8. Thời gian thực hiện.

9. Tên và địa chỉ Cơ quan (hoặc cá nhân) đề xuất:

Đơn vị/cá nhân đề xuất đề tài
(Họ, tên và chữ ký-
đóng dấu đối với trường hợp đề xuất của Đơn vị)

**PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM (SXTN)
CẤP TỈNH NĂM 2011-2012**

1. Tên Dự án SXTN:

2. Xuất xứ của Dự án: nêu rõ một trong các nguồn sau:

- Kết quả đã được đánh giá nghiệm thu của Đề tài Khoa học Công nghệ cấp
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng Khoa học Công nghệ.....
- Kết quả Khoa học Công nghệ từ nước ngoài (tên nước: tên cơ quan, tổ chức có kết quả Khoa học và Công nghệ

3. Giải trình về tính cấp thiết (sự phù hợp với hướng công nghệ ưu tiên; tạo ra công nghệ và sản phẩm chuyển giao được cho sản xuất; ý nghĩa kinh tế - xã hội của dự án SXTN ...).

4. Mục tiêu của Dự án:

5. Nội dung của dự án:

6 Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

7. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm và địa chỉ áp dụng:

8. Nhu cầu kinh phí để thực hiện dự án:

Tổng số: triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí của tổ chức chủ trì thực hiện dự án:

triệu đồng.

- Hỗ trợ từ ngân sách SNKH:

triệu đồng.

9. Khả năng thu hồi kinh phí (hoàn trả ngân sách SNKH):

triệu đồng.

10. Tên và địa chỉ Cơ quan (hoặc cá nhân) đề xuất:

Đơn vị/cá nhân đề xuất dự án SXTN
(Họ, tên và chữ ký-
đóng dấu đối với trường hợp đề xuất của Đơn vị)

PHIẾU ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KT – XH NÔNG THÔN
NĂM 2011

1-Tên dự án.

2-Mục tiêu

3-Nội dung:

3.1. Xây dựng mô hình.

***Mô hình 1:**

-Mục tiêu:

-Mô hình:

-Các giải pháp công nghệ và các chỉ tiêu kỹ thuật.

-Sản phẩm.

-Nguồn vốn. (Kể cả nguồn vốn huy động)

***Mô hình 2:**

-Mục tiêu:

-Mô hình:

-Các giải pháp công nghệ và các chỉ tiêu kỹ thuật.

-Sản phẩm.

-Nguồn vốn. (Kể cả nguồn vốn huy động)

***Mô hình 3:**

-Mục tiêu:

-Mô hình:

-Các giải pháp công nghệ và các chỉ tiêu kỹ thuật.

-Sản phẩm.

-Nguồn vốn. (Kể cả nguồn vốn huy động)

3.2. Đào tạo tập huấn.

4-Thời gian thực hiện.

5-Hiệu quả trực tiếp.

6-Hiệu quả kinh tế-xã hội.

7-Kinh phí thực hiện.

Đơn vị/cá nhân đề xuất đề tài

(Họ, tên và chữ ký- đóng dấu đối với trường hợp đề xuất của Đơn vị)